

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2014 ĐẾN 30/06/2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: *VACO/BCKT.NV2*

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12/08/2014, từ trang 03 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517-2013-156-1

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0917-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.548.179.598	30.558.239.414
I. Tiền	110	4	7.871.901.147	1.154.351.410
1. Tiền	111		7.871.901.147	1.154.351.410
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.110.088.029	11.373.825.179
1. Phải thu khách hàng	131	5	3.349.672.429	11.206.904.239
2. Trả trước cho người bán	132	6	13.760.415.600	165.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135		-	1.920.940
III. Hàng tồn kho	140	7	17.950.014.693	17.574.351.243
1. Hàng tồn kho	141		17.950.014.693	17.574.351.243
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.616.175.729	455.711.582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		334.613.363	435.563.198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.562.366	20.148.384
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	6.250.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		11.646.731.436	12.626.017.176
I. Tài sản cố định	220		11.476.857.474	12.294.756.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.476.857.474	12.294.756.166
- Nguyên giá	222		15.711.438.943	15.711.438.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.234.581.469)	(3.416.682.777)
II. Tài sản dài hạn khác	260		169.873.962	331.261.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		169.873.962	331.261.010
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		61.194.911.034	43.184.256.590

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		5.968.507.621	5.747.359.918
I. Nợ ngắn hạn	310		5.968.507.621	5.747.359.918
1. Phải trả người bán	312	10	2.305.481.810	3.871.940.744
2. Người mua trả tiền trước	313		2.431.022.788	757.663.631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.198.491.113	1.082.755.543
4. Chi phí phải trả	316		-	35.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		33.511.910	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		55.226.403.413	37.436.896.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	55.226.403.413	37.436.896.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.726.403.413	2.436.896.672
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		61.194.911.034	43.184.256.590

Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	14	9.349.070.515	#####
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		9.349.070.515	#####
3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	15	7.501.846.302	#####
4. Lợi nhuận (lỗ) gộp (20=10-11)	20		1.847.224.213	4.942.518.855
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		941.506	751.096
6. Chi phí tài chính	22		-	2.909.589
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			-	1.771.353
7. Chi phí bán hàng	24	17	456.839.594	3.615.659.504
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	977.757.412	1.024.573.695
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		413.568.713	300.127.163
10. (50=20+30)	50		413.568.713	300.127.163
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	124.061.972	75.031.791
12. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (50=50-51)	60		289.506.741	225.095.372
13. Lãi trên cổ phiếu	70	20	55	64

Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU DOANH	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
1. Lợi nhuận trước thuế	01	413.568.713	300.127.163
2. Điều chỉnh cho các khoản:		816.957.186	348.543.151
- Khấu hao tài sản cố định	02	817.898.692	346.384.658
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(941.506)	(751.096)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.909.589
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.230.525.899	648.670.314
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(11.997.676.832)	(1.068.485.130)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(375.663.450)	285.528.140
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	97.085.731	(808.403.284)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	262.336.883	160.142.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.783.391.769)	(782.547.356)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định khác	21 24	-	(3.299.166.905) - 10.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	#####
4. Tiền thu lãi cho vay	27	941.506	751.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	941.506	(3.298.415.809)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	17.500.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.500.000.000	3.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.717.549.737	(1.080.963.165)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (60)	60	1.154.351.410	2.152.126.680
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70)	70	7.871.901.147	1.071.163.515

Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

B 09 a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
Cộng	1.745.400	17.454.000.000	49,87

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 37 người (tại ngày 31/12/2013 là 142 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty con là:

Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hóa học và các sản phẩm công nghiệp; sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa; sản xuất đồ nội thất bằng gốm; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (công ty Mẹ) và báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (công ty Con) do Công ty kiểm soát 100% được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2014 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 -15
Máy móc thiết bị	11-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3-10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	7.866.631.934	1.150.873.763
Tiền gửi ngân hàng	5.269.213	3.477.647
Cộng	7.871.901.147	1.154.351.410

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH xây dựng Trường Tin	821.674.000	821.674.000
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty TNHH Thiên An Sơn	345.540.602	394.607.201
Công ty Cổ Phần Xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty Cổ Phần Đầu tư Tân Phú	201.586.103	201.586.103
Đối tượng khác	446.807.101	8.254.972.312
Cộng	3.349.672.429	11.206.904.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Trường Sơn	13.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	20.000.000	20.000.000
Các đối tượng khác	60.415.600	145.000.000
Cộng	13.760.415.600	165.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	1.834.455.511	1.632.973.796
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.358.940.331	13.358.940.331
Hàng hoá	2.756.618.851	2.582.437.116
Cộng	17.950.014.693	17.574.351.243
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	17.950.014.693	17.574.351.243

(*) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng cho Trần Thị Lương tiền xây dựng Nhà máy gạch	6.250.000.000	-
Cộng	6.250.000.000	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
Tại ngày 30/06/2014	7.454.066.769	2.876.147.186	5.381.224.988	15.711.438.943
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY				
Tại ngày 01/01/2014	959.352.304	1.060.078.609	1.397.251.864	3.416.682.777
Khấu hao trong kỳ	392.864.101	126.950.271	298.084.320	817.898.692
Tại ngày 30/06/2014	1.352.216.405	1.187.028.880	1.695.336.184	4.234.581.469
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	6.494.714.465	1.816.068.577	3.983.973.124	12.294.756.166
Tại ngày 30/06/2014	6.101.850.364	1.689.118.306	3.685.888.804	11.476.857.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) **MẪU B 09 a-DN/HN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	450.785.560	30.523.100
Công ty TNHH Thương mại Hà Căn	440.002.250	440.002.250
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nhân Hậu	405.250.000	405.250.000
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Bình	269.543.700	314.486.010
Các đối tượng khác	739.900.300	2.681.679.384
Cộng	2.305.481.810	3.871.940.744

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	737.235.422	745.561.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	456.678.850	332.616.878
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	4.576.841
Cộng	1.198.491.113	1.082.755.543

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	35.000.000.000	2.339.499.363	37.339.499.363
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	-	97.397.309	97.397.309
Số dư tại ngày 01/01/2014	35.000.000.000	2.436.896.672	37.436.896.672
Tăng vốn trong kỳ	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	-	289.506.741	289.506.741
Số dư tại ngày 30/06/2014	52.500.000.000	2.726.403.413	55.226.403.413

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014, Vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7		Vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2014	01/01/2014
	VND		VND	VND
Nguyễn Xuân Khoa	9.000.000.000	17,1%	9.000.000.000	-
Hoàng Văn Ty	6.554.000.000	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	5.000.000.000	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	2.750.000.000	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	2.500.000.000	4,8%	2.500.000.000	-
Nguyễn Văn Nam	2.400.000.000	4,6%	2.400.000.000	-
Nguyễn Thị Linh	2.000.000.000	3,8%	2.000.000.000	-
Vũ Văn Vân	1.600.000.000	3,0%	1.600.000.000	-
Đặng Ngọc Thông	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	1.575.000.000	3,0%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	17.546.000.000	33,4%	17.546.000.000	17.546.000.000
Cộng	52.500.000.000	100%	52.500.000.000	35.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)
Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	3.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày	Từ ngày
	01/01/2014 đến	01/01/2013 đến
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.349.070.515	17.630.781.088
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.039.897.992	7.675.929.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.309.172.523	9.954.851.179
Cộng	9.349.070.515	17.630.781.088

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/2014 đến	01/01/2013 đến
	ngày 30/06/2014	ngày 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.133.758.274	3.855.802.432
Giá vốn dịch vụ	6.368.088.028	8.832.459.801
Cộng	7.501.846.302	12.688.262.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.357.247.829	9.528.521.030
Chi phí nhân công trực tiếp	892.019.160	3.238.241.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	817.898.692	405.384.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.064.786	267.889.000
Chi phí khác bằng tiền	197.468.866	29.759.561
Cộng	7.818.699.333	13.469.794.855

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.814.696	2.542.462.127
Chi phí nhân công trực tiếp	-	935.960.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.900.773	116.292.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.124.125	20.944.077
Cộng	456.839.594	3.615.659.504

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.079.312	278.870.569
Chi phí nhân công trực tiếp	328.383.120	592.116.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.782.023	108.827.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.044.091	15.000.000
Chi phí khác bằng tiền	197.468.866	29.759.561
Cộng	977.757.412	1.024.573.695

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	413.568.713	300.127.163
Thu nhập chịu thuế	413.568.713	300.127.163
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	124.061.973	75.031.791
- <i>Đóng tại Công ty mẹ</i>	124.061.973	-
- <i>Đóng tại Công ty con</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Cộng	124.061.973	75.031.791

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	289.506.741	225.095.372
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.250.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	55	64
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.871.901.147)	(1.154.351.410)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	52.500.000.000	52.500.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.871.901.147	2.152.126.680
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.106.289.691	8.043.501.774
Cộng	16.978.190.838	10.195.628.454
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.477.474.769	2.477.474.769
Chi phí phải trả	2.909.589	2.909.589
Cộng	5.480.384.358	2.480.384.358

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09 a-DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tại ngày 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.871.901.147	-	7.871.901.147
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.349.672.429	-	3.349.672.429
Tổng tài sản tài chính	#####	-	11.221.573.576
Công nợ tài chính			
Tại ngày 30/06/2014			
Vay ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.305.481.810	-	2.305.481.810
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng nợ tài chính	2.305.481.810	-	2.305.481.810
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	8.916.091.766	-	8.916.091.766
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.351.410	-	1.154.351.410
Các khoản phải thu ngắn hạn	#####	-	11.373.825.179
Tổng tài sản tài chính	#####	-	12.528.176.589
Công nợ tài chính			
Tại ngày 01/01/2014			
Vay ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.871.940.744	-	3.871.940.744
Chi phí phải trả	35.000.000	-	35.000.000
Tổng nợ tài chính	3.906.940.744	-	3.906.940.744
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	8.621.235.845	-	8.621.235.845

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban giám đốc:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Thu nhập của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị	96.000.000	138.000.000
Cộng	96.000.000	138.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) **MẪU B 09 a-DN/HN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ năm trước (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013) đã được soát xét.

Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu